

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 13
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 95/2025/DS-ST

Ngày: 26 – 9 – 2025

V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13 – CẦN THƠ

- **Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Lil

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Dương Hoàng Khải

Ông Phan Công Điện

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Mai Thị Cẩm Giang – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 13 – Cần Thơ.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13 – Cần Thơ tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Huỳnh Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2025 tại Tòa án nhân dân khu vực 13 – Cần Thơ mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 423/2024/TLST-DS ngày 06 tháng 12 năm 2024 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 123/2025/QĐXXST-DS, ngày 29 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 83/2025/QĐST-DS ngày 19 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Ông Dương Văn B (Phạm Văn B1), sinh năm 1959 (có mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện P, tỉnh Hậu Giang (Nay là ấp T, xã T, thành phố Cần Thơ).

2. **Bị đơn:** Ông Lê Nhật T, sinh năm 1995 (có mặt).

Địa chỉ: ấp L, xã L, huyện P, tỉnh Hậu Giang (Nay là ấp L, xã T, thành phố Cần Thơ).

3. **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

3.1. Bà Hồ Thị S, sinh năm 1966 (có đơn yêu cầu vắng mặt).

Địa chỉ: ấp L, xã L, huyện P, tỉnh Hậu Giang (Nay là ấp L, xã T, thành phố Cần Thơ).

3.2. Ông Hồ Thanh T1, sinh năm 1978 (có đơn yêu cầu vắng mặt).

Địa chỉ: ấp L, xã L, huyện P, tỉnh Hậu Giang (Nay là ấp L, xã T, thành phố Cần Thơ).

3.3. Ông Trương Thanh M, sinh năm 1977 (có đơn yêu cầu vắng mặt).

Địa chỉ: khu V, khóm A, thị trấn N, huyện N, tỉnh Cà Mau (nay là xã C, tỉnh Cà Mau).

3.4. Ông Trương Minh T2, sinh năm 1982 (có đơn yêu cầu vắng mặt).

Địa chỉ: khu V, phường T, huyện T, thành phố Cần Thơ (Nay là khu vực T, phường T, thành phố Cần Thơ).

3.5. Bà Trương Thị Quỳnh M1, sinh năm 1969 (có đơn yêu cầu vắng mặt).

Địa chỉ: khu V, phường T, huyện T, thành phố Cần Thơ (Nay là khu vực T, phường T, thành phố Cần Thơ).

3.6. Ông Phạm Minh T3, sinh năm 1978 (có đơn yêu cầu vắng mặt).

Địa chỉ: khu V, khóm C, thị trấn N, huyện N, tỉnh Cà Mau (nay là xã Đ, tỉnh Cà Mau).

3.7. Ông Phạm Minh T4, sinh năm 1980 (có đơn yêu cầu vắng mặt).

Địa chỉ: khu V, khóm C, thị trấn N, huyện N, tỉnh Cà Mau (nay là xã Đ, tỉnh Cà Mau).

3.8. Bà Phạm Thu L2, sinh năm 1983 (có đơn yêu cầu vắng mặt).

Địa chỉ: ấp N, xã T, huyện P, tỉnh Hậu Giang (Nay là ấp N, xã T, thành phố Cần Thơ).

3.9. Ông Phạm Thanh H, sinh năm 1986 (chết).

Người thừa kế quyền, nghĩa vụ tố tụng: bà Lê Diễm T5, sinh năm 1993 (vợ) (có đơn yêu cầu vắng mặt).

Địa chỉ: ấp N, xã T, huyện P, tỉnh Hậu Giang (Nay là ấp N, xã T, thành phố Cần Thơ).

3.10. Bà Phạm Thị Hương L, sinh năm 1964 (có đơn yêu cầu vắng mặt).

Địa chỉ: D khóm D, phường D, khu đô thị E, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (nay là phường P, thành phố Cần Thơ).

3.11. Ông Trương Hoàng S1, sinh năm 1993 (vắng mặt).

Địa chỉ: khu V, phường H, thành phố N, tỉnh Hậu Giang (Nay là khu vực I, phường N, thành phố Cần Thơ).

3.12. Bà Lê Tuyết T6, sinh năm 1993 (có đơn yêu cầu vắng mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã H, huyện P, tỉnh Hậu Giang (Nay là ấp T,, xã P, thành phố Cần Thơ).

3.13. Bà Lê Thị N, sinh năm 1962 (vắng mặt).

3.14. Bà Phạm Thị T7 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp L, xã L, huyện P, tỉnh Hậu Giang (Nay là ấp L, xã T, thành phố Cần Thơ).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Dương Văn B trình bày:

Nguồn gốc phần đất tranh chấp diện tích 6.500m² là của cha ruột ông B là ông Phạm Thành K, khi còn sống ông K được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tạm thời trên phần đất này. Khi đó ông K sống chung với ông B nhưng ông B không có sử dụng đất mà phần đất này do em ông là ông Phạm Văn T8 sử dụng. Năm 1995, ông K chết, ông T8 sử dụng phần đất này đến năm 1998 cõ cho bà Phạm Thị T7 với giá 12 chỉ vàng 24K, anh em trong gia đình không hay biết. Sau đó ông B mới biết ông T8 đã cõ phần đất trên nên ông mới chuộc lại với giá 12 chỉ vàng 24K. Sau khi ông B chuộc lại thì tiếp tục cho ông T8 sử dụng, ông T8 sử dụng được 01 mùa lúa thì ông T8 bán phần đất này cho ông Phan Thanh P, bà Lương Thị L1 với 3,5 cây vàng 24K. Năm 2017 Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang đã xét xử buộc ông Phan Thanh P, bà Lương Thị L1 trả lại phần đất diện tích 5.768,8m² cho gia đình ông B và buộc gia đình ông B có nghĩa vụ trả cho ông Phan Thanh P, bà Lương Thị L1 3,5 cây vàng 24K và bồi thường cho ông P số tiền 76.000.000 đồng. Năm 2023 ông B bỏ ra số tiền 264.400.000 đồng để trả lại cho ông Phan Thanh P, bà Lương Thị L1. Khi ông B nhận lại phần đất và đi đăng ký kê khai thì Lê Nhật T tranh chấp.

Nay ông B yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Lê Nhật T trả lại phần đất theo diện tích đo đạc là 4.989,9m² thuộc một phần thửa 29 cho ông. Yêu cầu Tòa án công nhận phần đất diện tích 4.989,9m² cho ông được đứng tên quyền sử dụng đất.

Bị đơn ông Lê Nhật T trình bày: Phần đất tranh chấp là của ông Phạm

Thành K cho cha ông T là Phạm Văn T8 phần đất diện tích 6.500m², phần đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chỉ có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tạm thời do ông Phạm Thành K đứng tên. Khi ông K cho đất ông T8 thì có lập di chúc ngày 15/8/1994, có ông Phạm Văn S2, ông Phạm Văn C là người chứng kiến, có T9 ấp ông Lê Văn S3 và phó Chủ tịch xã T xác nhận. Năm 1998 ông T8 cầm cổ phần đất cho bà Phạm Thị T7 với giá 12 chỉ vàng 24K, cũng trong năm 1998 mẹ tôi Lê Thị N biết sự việc và bà N có lập giấy tờ cổ đất với bà T7. Sau đó ông T8 tiếp tục ăn nhậu không có tiền tiêu xài nên lấy vàng thêm của bà T7, bà T7 không đồng ý giao thêm nên ông T8 lấy đất lại và cổ sang cho bà Lương Thị L1 với ông Phan Thanh P với giá 12 chỉ vàng 24K, sau đó bà Lương Thị L1 với ông Phan Thanh P đưa vàng thêm cho ông T8 bao nhiêu thì ông T không biết. Năm 2007 ông T8 chết, sau đó giữa gia đình ông T phát sinh tranh chấp với bà Lương Thị L1 với ông Phan Thanh P. Năm 2017 Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp xét xử buộc ông Phan Thanh P, bà Lương Thị L1 trả lại phần đất diện tích 5.768,8m² cho gia đình ông T, gia đình ông T có nghĩa vụ trả cho ông Phan Thanh P, bà Lương Thị L1 3,5 cây vàng 24K và bồi thường cho ông P số tiền 76.000.000 đồng. Gia đình ông T không thống nhất với nội dung Bản án nên kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang giải quyết. Sau đó, Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang hủy bản án sơ thẩm và giao hồ sơ về Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp để giải quyết lại. Sau khi hồ sơ về Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp thì ông Dương Văn B rút đơn nên Tòa án đình chỉ giải quyết vụ án. Việc ông Dương Văn B tự ý trả tiền, vàng cho ông Phan Thanh P, bà Lương Thị L1 thì ông T không đồng ý. Nay ông T không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Dương Văn B. Ông T yêu cầu ông Dương Văn B phải giao trả lại phần đất cho gia đình ông T sử dụng và đi kê khai quyền sử dụng đất.

Quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị N thống nhất với lời trình bày của ông Lê Nhật T. Thống nhất yêu cầu của bị đơn là yêu cầu ông Dương Văn B phải giao trả lại phần đất cho gia đình bà sử dụng và đi kê khai quyền sử dụng đất.

Quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị T7 thống nhất với lời trình bày của ông Lê Nhật T. Thống nhất yêu cầu của bị đơn là yêu cầu ông Dương Văn B phải giao trả lại phần đất cho gia đình bà sử dụng và đi kê khai quyền sử dụng đất.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hồ Thị S, ông Hồ Thanh T1, ông Trương Thanh M, ông Trương Minh T2, bà Trương Thị Quỳnh M1, ông Phạm Minh T3, ông Phạm Minh T4, bà Phạm Thu L2, ông Phạm Thanh H, bà Phạm Thị Hương L, ông Trương Hoàng S1, bà Lê Tuyết T6 vắng mặt nên Tòa án không tiến hành lấy lời khai được đối với bà Hồ Thị S, ông Hồ Thanh T1, ông Trương Thanh M, ông Trương Minh T2, bà Trương Thị Quỳnh M1, ông Phạm Minh T3, ông Phạm Minh T4, bà Phạm Thu L2, ông Phạm Thanh H, bà Phạm Thị Hương L, ông Trương Hoàng S1, bà Lê Tuyết T6.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Nguyên đơn ông Dương Văn B cho rằng phần đất đang tranh chấp theo diện tích đo đạc hiện nay 4.989,9m² là của ông B bỏ tiền ra trả cho ông Phan Thanh P vào năm 2023 theo Bản án dân sự sơ thẩm số 144/2017/DS-ST ngày 29/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang. Tuy nhiên, việc ông B tự ý bỏ số tiền 264.400.000 đồng ra trả cho ông Phan Thanh P chưa có sự đồng ý bằng văn bản của hàng thừa kế ông Phạm Thành K. Mặt khác, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 144/2017/DS-ST ngày 29/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang tuyên buộc ông Phan Thanh P có nghĩa vụ trả lại các thừa kế của ông Phạm Thành K phần đất có diện tích 5.768,8m², phần đất này hiện nay hàng thừa kế của ông K cũng chưa có văn bản thống nhất là để cho ai thừa hưởng. Vì vậy, ông Dương Văn B cho rằng phần đất có diện tích 4.989,9m² là của ông B và yêu cầu công nhận là không có căn cứ để chấp nhận.

Đối với số tiền 264.400.000 đồng mà ông B tự ý bỏ ra trả cho ông Phan Thanh P để chuộc lại phần đất, ông B không yêu cầu nên không xem xét.

Dành quyền khởi kiện đòi lại tài sản và chia di sản thừa kế cho ông Dương Văn B đối với các hàng thừa kế của ông Phạm Thành K thành vụ án khác khi có yêu cầu.

Án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hồ Thị S, ông Hồ Thanh T1, ông Trương Thanh M, ông Trương Minh T2, bà Trương Thị Quỳnh M1, ông Phạm Minh T3, ông Phạm Minh T4, bà Phạm Thị Thu L2, bà Phạm Thị Hương L, bà Lê Tuyết T6, bà Lê Diễm T5 là người thừa kế ông Phạm Thanh H có đơn xin giải quyết vắng mặt, ông Trương Hoàng S1, bà Bà Lê Thị N, bà Phạm Thị T7 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hồ Thị S, ông Hồ Thanh T1, ông Trương Thanh M, ông Trương Minh T2, bà Trương Thị Quỳnh M1, ông Phạm Minh T3, ông Phạm Minh T4, bà Phạm Thị Thu L2, bà Phạm Thị Hương L, bà Lê Tuyết T6, ông Trương Hoàng S1, bà Bà Lê Thị N, bà Phạm Thị T7 bà Lê Diễm T5 là người thừa kế ông Phạm Thanh H.

[2] Về thẩm quyền: Đây là vụ án “Tranh chấp quyền sử dụng đất” căn cứ Điều 26; Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] Về nội dung: Nguyên đơn ông Dương Văn B và bị đơn ông Lê Nhật T cùng thống nhất nguồn gốc phần đất tranh chấp theo diện tích đo đạc hiện nay 4.989,9m² là ông Phạm Thành K, khi còn sống ông K được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tạm thời trên phần đất này. Theo ông Dương Văn B khi ông Phạm Thành K còn sống thì ông K sống chung với ông B nhưng ông B không có sử dụng đất mà phần đất này do em ông là ông Phạm Văn T8 sử dụng. Năm 1995 ông K chết, ông T8 sử dụng phần đất này đến năm 1998 cố cho bà Phạm Thị T7 với giá 12 chỉ vàng 24K, anh em trong gia đình không hay biết. Sau đó ông B mới biết ông T8 đã cố phần đất trên nên ông mới chuộc lại với giá 12 chỉ vàng 24K. Sau khi ông B chuộc lại thì tiếp tục cho ông T8 sử dụng, ông T8 sử dụng được 01 mùa lúa thì ông T8 bán phần đất này cho ông Phan Thanh P, bà Lương Thị L1 với 3,5 cây vàng 24K. Năm 2017 Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang đã xét xử buộc ông Phan Thanh P, bà Lương Thị L1 trả lại phần đất diện tích 5.768,8m² cho gia đình ông B và gia đình ông B có nghĩa vụ trả cho ông Phan Thanh P, bà Lương Thị L1 3,5 cây vàng 24K và bồi thường cho ông P số tiền 76.000.000 đồng. Năm 2023 ông B bỏ ra số tiền 264.400.000 đồng để trả lại cho ông Phan Thanh P.

Tại phiên tòa, nguyên đơn ông Dương Văn B yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Lê Nhật T trả lại phần đất theo diện tích đo đạc là $4.989,9\text{m}^2$ thuộc một phần thửa 29 cho ông. Yêu cầu Tòa án công nhận phần đất diện tích $4.989,9\text{m}^2$ cho ông được đứng tên quyền sử dụng đất.

Bị đơn ông Lê Nhật T không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Dương Văn B. Ông T yêu cầu ông Dương Văn B phải giao trả lại phần đất cho gia đình ông T sử dụng và đi kê khai quyền sử dụng đất.

[3.1] Theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang (nay là Tòa án nhân dân khu vực 13 – Cần Thơ) và M2 trích đo địa chính số 127/CHK ngày 19/6/2025 của Công ty cổ phần Đ thể hiện: Phần đất đang tranh chấp giữa nguyên đơn ông Dương Văn B với bị đơn ông Lê Nhật T có diện tích $4.989,9\text{m}^2$ thuộc một phần thửa 29 theo hệ thống bản đồ 299, phần đất tọa lạc ấp L, xã L, huyện P, tỉnh Hậu Giang (Nay là ấp L, xã T, thành phố Cần Thơ. Diện tích đo đạc, hình thể, kích thước các đương sự đều thống nhất, không yêu cầu gì thêm.

[3.2] Hội đồng xét xử xét thấy, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 144/2017/DS-ST ngày 29/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang tuyên xử buộc ông Phan Thanh P có nghĩa vụ trả lại các thửa kế của ông Phạm Thành K phần đất có diện tích $5.768,8\text{m}^2$ thuộc thửa 756, tờ bản đồ số 08. Buộc các đồng nguyên đơn ông Phạm Văn B1 (Dương Văn B), Phạm Thi T10, Phạm Thị Hương L, Phạm Thị Út L3 (chết) thường kế là Trương Hoàng S1 có nghĩa vụ trả lại ông Phan Thanh P giá trị đất 35 chỉ vàng 24K loại 98%, có nghĩa vụ bồi thường cho ông Phan Thanh P số tiền 76.000.000 đồng. Tuy nhiên, đến năm 2023 ông Dương Văn B tự ý bỏ ra số tiền 264.400.000 đồng để trả lại cho gia đình ông Phan Thanh P nhưng chưa có sự đồng ý của các hàng thừa kế của ông Phạm Thành K. Mặt khác, phần đất tranh chấp hiện nay theo diện tích đo đạc $4.989,9\text{m}^2$ thuộc một phần thửa 29 theo hệ thống bản đồ 299, phần đất tọa lạc ấp L, xã L, huyện P, tỉnh Hậu Giang (Nay là ấp L, xã T, thành phố Cần Thơ) hàng thừa kế ông Phạm Thành K chưa có ai có văn bản thống nhất để phần đất này là di sản thừa kế cho ông Dương Văn B.

Theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự: *“Đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp”*.

“... Dương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án phải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được trước đó”. Tại phiên tòa hôm nay, ngoài lời trình bày của ông Dương Văn B thì ông B không đưa ra được tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh là phần đất đang tranh chấp có diện tích đo đạc 4.989,9m² thuộc quyền sở hữu của ông B. Vì vậy, ông Dương Văn B cho rằng phần đất có diện tích 4.989,9m² là của ông B và yêu cầu công nhận là không có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.3] Đối với số tiền 264.400.000 đồng ông Dương Văn B tự ý bỏ ra để trả lại cho gia đình ông Phan Thanh P. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa ông Dương Văn B không yêu cầu hàng thừa kế của ông Phạm Thành K trả lại. Vì vậy, Hội đồng xét xử dành quyền khởi kiện đòi lại tài sản và chia di sản thừa kế cho ông Dương Văn B đối với hàng thừa kế của ông Phạm Thành K thành vụ án khác khi có yêu cầu.

[4] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Nguyên đơn ông Dương Văn B có đơn xin miễn án phí lý do là người cao tuổi nên được miễn nộp.

[6] Chi phí tố tụng: Nguyên đơn ông Dương Văn B phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 91, Điều 92, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 99, Điều 100, Điều 202, Điều 203 của Luật đất đai 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Dương Văn B đối với bị đơn ông Lê Nhật T.

Dành quyền khởi kiện đòi lại tài sản và chia di sản thừa kế cho ông Dương Văn B đối với bị đơn ông Lê Nhật T thành vụ án khác khi có yêu cầu.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn ông Dương Văn B là người cao tuổi nên được miễn nộp.

3. Chi phí tố tụng: Nguyên đơn ông Dương Văn B phải chịu số tiền 4.650.000 đồng (*Bốn triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng*), đã nộp xong.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND TP Cần Thơ;
- VKSND KV 13 – Cần Thơ;
- THADS TP Cần Thơ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Lil